TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH SƠN** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc**
Số: 16 /2020/QĐST - DS	*Thanh Sơn, ngày 18 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC Đ ƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 8 năm 2020 về việc các đ- ơng sự đã thoả thuận đ- ợc với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 32/2020/TLST- DS ngày 17 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đ- ơng sự đ- ợc ghi nhận trong biên bản hòa giải thành ngày 11 tháng 7 năm 2020 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đ- ơng sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đ- ơng sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đ- ơng sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam.

Địa chỉ: Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người được ủy quyền khởi kiện: Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam – chi nhánh Hùng Vương do ông: Nguyễn Trung C - là người đại diện.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Đỗ V, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ theo quyết định số 844/QĐ – BIDV.HVU ngày 03/6/2020 của Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam – chi nhánh Hùng vương về việc ủy quyền tham gia tố tụng.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B – Sinh năm 1984

Và chồng là ông Phạm Văn T – Sinh năm 1973

Đều có địa chỉ: Khu 7, xã Ngọc Đồng, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ

2. Sự thoả thuận của các đ- ơng sự cụ thể nh- sau:

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam – ông Đỗ V với bị đơn bà Nguyễn Thị B và chồng là ông Phạm Văn T thống nhất xác nhận:

Ngày 22/7/2019 bà Nguyễn Thị B và ông Phạm Văn Th được Phòng giao dịch Thanh Sơn – BIDV Hùng Vương ký kết hợp đồng hạn mức tín dụng ngắn hạn vay 12 tháng với mục đích: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh giun quế với tổng số tiền cho vay là 2.000.000.000đồng (Hai tỷ đồng). Tổng số tiền nhận nợ chính thức là

2.000.000.000đồng (Hai tỷ đồng). Để đảm bảo cho khoản vay bà B và ông T đã thế chấp bằng các tài sản sau:

- Tài sản 1: Giá trị quyền sử dụng đất (diệntích 1099,6 m^2) và tài sản gắn liền trên đất (01 nhà xây 01 tầng, khung thép mái lợp tôn diện tích 1050 m^2 và 01 nhà xây 01 tầng, kết cấu xây gạch, mái lợp tôn diện tích 130 m^2) tại Khu 7, xã Ngọc Đồng, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ đứng tên bà Nguyễn Thị B, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 358090 do UBND huyện Yên Lập cấp ngày 05/02/2018 theo Hợp đồng thế chấp số 01/2018/10810484/HĐBĐ ngày 13/03/2018 được ký kết giữa bên thế chấp là bà Nguyễn Thị B và ông Phạm Văn T và bên nhận thế chấp là BIDV Hùng Vương – Phòng giao dịch Thanh Sơn.

- Tài sản 2: Giá trị quyền sử dụng đất (diệntích 1409,1 m^2) và tài sản gắn liền trên đất (02 nhà xây 01 tầng, kết cấu xây gạch mái lợp tôn, diện tích: 750 m^2) tại Khu 7, xã Ngọc Đồng, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ đứng tên bà Nguyễn Thị B có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ố CM 358092 do UBND huyện Yên Lập cấp ngày 05/02/2018 theo Hợp đồng thế chấp số 01/2018/10810484/HĐBĐ ngày 13/03/2018 được ký kết giữa bên thế chấp là bà Nguyễn Thị B và ông Phạm Văn T và bên nhận thế chấp là BIDV Hùng Vương – Phòng giao dịch Thanh Sơn.

Tính đến ngày 06/8/2020, bà B và ông T còn dư nợ ngân hàng số tiền 2.169.374.468 đồng (*Hai tỷ một trăm sáu mươi chín triệu ba trăm bảy mươi tư nghìn bốn trăm sáu mươi tám đồng),* trong đó: Nợ gốc là 1.980.000.000đồng *(Một tỷ chín trăm tám mươi triệu đồng),* nợ lãi trong hạn là 131.184.605 đồng *(Một trăm ba mươi mốt triệu một trăm tám mươi tư nghìn sáu trăm linh năm đồng),* nợ lãi quá hạn: 58.189.863 đồng *(Năm mươi tám triệu một trăm tám mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng).*

Nay hai bên tự nguyện thỏa thuận:

Bị đơn bà Nguyễn Thị B và chồng là ông Phạm Văn T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ dư nợ cho ngân hàng BIDV số tiền 2.169.374.468 đồng (*Hai tỷ một trăm sáu mươi chín triệu ba trăm bảy mươi tư nghìn bốn trăm sáu mươi tám đồng),* trong đó: Nợ gốc là 1.980.000.000đồng *(Một tỷ chín trăm tám mươi triệu đồng),* nợ lãi trong hạn là 131.184.605 đồng *(Một trăm ba mươi mốt triệu một trăm tám mươi tư nghìn sáu trăm linh năm đồng),* nợ lãi quá hạn: 58.189.863 đồng *(Năm mươi tám triệu một trăm tám mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng).* Thời hạn thanh toán cụ thể như sau:

Lần 1: Thanh toán số tiền 200.000.000đồng *(Hai trăm triệu đồng)* nợ gốc, thời hạn thanh toán cuối cùng là ngày 31/12/2020

Lần 2: Thanh toán số tiền 300.000.000đồng *(Ba trăm triệu đồng)* nợ gốc, thời hạn thanh toán cuối cùng là ngày 30/6/2021

Lần 3: Thanh toán số tiền 1.669.374.468 đồng *(Một tỷ sáu trăm sáu mươi chín triệu ba trăm bảy mươi tư nghìn bốn trăm sáu mươi tám đồng)* tiền nợ gốc và lãi thời hạn thanh toán cuối cùng là ngày 31/12/2021. Trong đó: Nợ gốc là

1.480.000.000đồng *(Một tỷ bốn trăm tám mươi triệu đồng)*, nợ lãi là 189.374.468 đồng *(Một trăm tám mươi chín triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn bốn trăm sáu mươi tám đồng)*.

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị B và ông Phạm Văn T còn phải thanh toán tiền lãi, phí chậm trả phát sinh trên số dư nợ gốc thực tế từ ngày 06/8/2020 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ hoặc thi hành án xong theo mức lãi suất đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng.

Về án phí:

Bà Nguyễn Thị B và ông Phạm Văn T tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 37.693.000đồng (Ba mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng). Trả lại cho ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 37.750.000đồng (Ba mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0003196 ngày 15/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong tr- ờng hợp quyết định đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 - Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự*
- *VKS tỉnh + huyện*
- *Chi cục THADS huyện*
- *L- u HSVA*

Thẩm phán

Đã ký

Nguyễn Khắc Vĩnh